TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-PT
Ngày: 19-02-2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng

Bà Trần Thị Kim Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 tháng 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Tuyết M**,** sinh năm 1972 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*
1. Mai Thanh H, sinh năm 1978 (có mặt);
2. Phạm Thị T, sinh năm 1977 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Mai Thanh H, Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày:

Nguyên vào ngày 24/10/2017 âm lịch, chị M có cho anh H, chị T vay số

tiền 920.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay không xác định. Khi vay, anh H, chị T có lập biên nhận cho chị M để làm tin. Từ khi vay đến nay anh H, chị T chưa thực hiện việc đóng lãi đầy đủ. Nay chị M yêu cầu anh H, chị T phải có trách nhiệm liên đới trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền vay 920.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/10/2017 âm lịch đến ngày xét xử theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng.

Bị đơn anh Mai Thanh H, chị Phạm Thị T thống nhất trình bày:

Anh chị thừa nhận vợ chồng anh chị có vay của chị M số tiền 920.000.000 đồng nhưng thời điểm bắt đầu vay là vào năm 2015. Anh chị có đóng lãi được hai năm thì ngưng luôn cho đến nay. Đến ngày 24/10/2017 âm lịch thì chị M kêu vợ chồng anh chị lập biên nhận thể hiện tổng cộng số tiền vay là 920.000.000 đồng để làm tin. Nay anh chị đồng ý cùng liên đới trả số tiền 920.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng đến khi hết nợ, xin bỏ lãi do hoàn cảnh kinh tế hiện tại gặp khó khăn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết M.

Buộc bị đơn anh Mai Thanh H và chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh tổng cộng là 988.540.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24/10/2018, bị đơn anh Mai Thanh H và chị Phạm Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và đơn xin trả nợ dài hạn của anh chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Mai Thanh H, chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Mai Thanh H, chị Phạm Thị T là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Mai Thanh H, chị Phạm Thị T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Chị Lê Thị Tuyết M yêu cầu anh Mai Thanh H, chị Phạm Thị T liên đới trả số tiền nợ vay là 920.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có phù hợp.

[2]Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Mai Thanh H, chị Phạm Thị T về việc xin trả nợ dần cho chị M số tiền 920.000.000 đồng, mỗi năm trả 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh H và chị M là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ:

Chị Lê Thị Tuyết M yêu cầu anh H và chị T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là 920.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/10/2017 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng. Chứng cứ chị M cung cấp cho Tòa án là biên nhận nợ ngày 24/10/2017 (âm lịch) thể hiện nội dung: "... nay vợ chồng tôi (anh H, chị T) cùng đồng lòng vay mượn của chị M với số tiền là 920.000.000 đồng...". Đồng thời cuối biên nhận chị T và anh H cùng ký tên vào biên nhận, ngoài ra trong biên nhận trên không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất khi vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị M trình bày khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng. Bị đơn anh H và chị T cũng đã thừa nhận có vay của chị M số tiền là 920.000.000 đồng nhưng vào thời điểm năm 2015 chứ không phải vào năm 2017 như chị M trình bày, anh chị có đóng lãi được hai năm với lãi suất 2,5%/tháng thì ngưng cho đến nay. Từ đó cho thấy các bên có phát sinh việc vay mượn tiền với nhau và có thỏa thuận bên vay phải chịu lãi suất khi vay số tiền 920.000.000 đồng nhưng không rõ là bao nhiêu. Tuy nhiên, do anh H và chị T cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở về thời gian vay tiền của chị M vào năm 2015 và số tiền phải trả lãi hàng tháng nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa chị M và anh H, chị T đã thực tế phát sinh, với việc nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 24/10/2017 âm lịch và việc bị đơn anh H và chị T thừa nhận có vay tiền của chị M, nên có đủ cơ sở buộc anh H và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho chị M số tiền 920.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và chị T có yêu cầu kháng cáo đồng ý trả cho chị M số tiền 920.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn yêu cầu xin được trả dần mỗi năm 200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi không được nguyên đơn chị M đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H và chị T. Việc kéo dài thời gian trả nợ của anh H và chị T đã ảnh hưởng đến quyền và lợi

ích hợp pháp của chị M nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn anh H và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho chị M số tiền 920.000.000 đồng tiền vốn và số tiền lãi là 68.540.000 đồng tính từ ngày 24/10/2017 âm lịch (tức ngày 11/12/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 9 tháng 28 ngày với lãi suất 0,75%/tháng, tổng cộng là 988.540.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên cần được giữ nguyên án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh H, chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn anh H và chị T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 92, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Mai Thanh H và chị Phạm Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 181/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết M.

Buộc bị đơn anh Mai Thanh H và chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh tổng cộng là 988.540.000 đồng (Chín trăm tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Mai Thanh H và chị Phạm Thị T chậm thi hành đối với phần tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Anh Mai Thanh H và chị Phạm Thị T phải liên đới chịu 41.656.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh H và chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo

biên lai thu số 09373 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như anh H và chị T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm, như vậy anh H và chị T còn phải nộp tiếp 41.656.200 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Tuyết M số tiền 19.800.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09231 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Ngoan